TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNGĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 124/2024/DSST
Ngày: 28/5/2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Cường**

2. Bà **Lê Thị Ngọc Thúy.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Ông **La Tương Lai.**

Trong ngày **28** tháng **5** năm **2024,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Quang V**, sinh năm 1984.(có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
* *Bị đơn:* 1. Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1964.(vắng mặt)
2. Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1965.(vắng mặt)
3. Anh **Phan Hữu N**, sinh năm 1986.(vắng mặt)
4. Chị **Trương Thị Mỹ C**, sinh năm 1989.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, Tiền Giang.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà **Phạm Thị S1**, sinh năm 1972.(có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn T, đại diện ủy quyền là anh Trần Quang V trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 09/4/2022, ông T có cho ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị S vay số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 3%/tháng, trả lãi hàng tháng; Thời hạn vay: 02 năm, kể từ ngày ký giấy vay tiền; Mục đích vay: Kinh doanh.

Bà S có ký tên và ghi họ tên Hợp đồng vay tiền ngày 09/4/2022 được lập tại Văn phòng C1, tỉnh Tiền Giang. Ông Đ cũng đồng ý vay tiền của ông T và có thế chấp cho ông T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10277 ngày 17/01/2022 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Phan Văn Đ.

Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả lãi thì vợ chồng bà S ông Đ không thực hiện đúng như đã cam kết, không trả cho ông T được khoản tiền vốn, lãi nào cho đến nay.

Buộc bà Phạm Thị S và ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/4/2022 đến 13/9/2023 (là 1.66%/tháng). Tạm tính tiền lãi là: 375.000.000 đồng. Tổng cộng, tiền vốn và lãi là 1.675.000.000 đồng

Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Vào ngày 28/12/2023, ông Đoàn Văn T có đơn khởi kiện bổ sung như sau:

Ngày 09/4/2022, hộ ông Phan Văn Đ gồm: ông Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C thống nhất để bà Phạm Thị S đại diện hộ ông Đ để vay tiền của ông T số tiền 1.3000.000 đồng nhằm đáp ứng như cầu thiết yêu của gia đình. Để đảm bảo khoản vay, hộ ông Đ gồm ông Đ, bà S, anh N và chị C đã lập Hợp đồng ủy quyền giao thửa đất 718, tờ bản đồ số 49, diện tích 934,9m^2 (đất ở 300m^2), số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS10277 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/01/2022 đã được Phòng C2, tỉnh Tiền Giang chứng thực 437, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2022.

Sau đó, bà S đã ký Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm được Phòng C2, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 004192, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/4/2022.

Nay ông T khởi kiện bổ sung các yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc bà Phạm Thị S, ông Phan Văn Đ, anh Phan Văn N1 và chị Trương Thị Mỹ C có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/4/2022 đến 28/12/2024 (là 1.66%/năm). Tạm tính tiền lãi là: 451.700.000 đồng. Tổng cộng, tiền vốn và lãi là 1.751.700.000 đồng

Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn bà Phạm Thị S trình bày:**

Bà thừa nhận có mượn tiền của ông Đoàn Văn T vào ngày 09/4/2022 số tiền 1.300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, trả lãi hàng tháng, có làm hợp đồng vay tài sản do bà ký tên. Sau khi làm hợp đồng bà nhận đủ số tiền 1.300.000.000 đồng và bà đã đóng tiền lãi 39.000.000 đồng ngay ngày 09/4/2022. Sau đó đến tháng thứ hai bà không có tiền đóng lãi nên bà có gọi điện thoại cho vợ ông T là bà S1 mượn thêm 21.000.000 đồng, có ghi giấy nợ là 60.000.000 đồng là bà S đóng lãi tháng thứ hai, chỉ nhận 21.000.000 đồng, giấy mượn nợ do bà S1 vợ ông T đang giữ. Đến ngày 05/8/2022, bà S có chuyển khoản cho con bà S1 là anh Đoàn Công T1 02 lần, mỗi lần 40.000.000 đồng, tổng cộng bà S đóng tiền lãi 04 lần là 158.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T thì bà S đồng ý trả vốn và lãi nhưng xin trừ 04 tháng lãi mà bà S đã đóng là 158.000.000 đồng, xin trả số tiền vốn và lãi trong thời hạn 03 tháng. Còn những chứng cứ như nội dung chuyển khoản và đoạn ghi âm bà S sẽ cung cấp vào ngày 07/02/2023. Bà yêu cầu bà S1 vợ ông T nộp cho Tòa án tờ giấy mượn tiền 60.000.000 đồng. Khi bà vay tiền thì gia đình bà không ai biết do bà được ủy quyền tự định đoạt phần đất ghi trong nội dung ủy quyền, lý do bà mượn tiền của ông T là do bà kẹt tiền.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S1 trình bày:**

Bà là vợ của ông Đoàn Văn T. Bà có biết việc ông Tràng kiện bà S, ông Đ, anh N1 và chị C. Bà thống nhất nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông T. Sau khi bà S vay số tiền

của ông T thì đến ngày 18/5/2022, bà S có hỏi vay tiếp của bà S1 số tiền 60.000.000 đồng, có lập giấy tay "Giấy mượn tiền" ngày 18/5/2022 do bà S viết và ký tên xác nhận đã nhận đủ số số tiền 60.000.000 đồng. Sau đó bà S1 mới biết bà S chưa thanh toán khoản tiền vốn và lãi nào cho ông T và kéo dài cho đến nay. Bà S1 không đồng ý việc bà S xác định số tiền vay 60.000.000 đồng là tiền đóng lãi cho số tiền vay của ông T.

** Bị đơn ông Phan Văn Đ, anh Phan Hữu N, và chị Trương Thị Mỹ C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn T.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* cần được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Phạm Thị S, ông Phan Văn Đ, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, anh Trần Quang V đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phạm Thị S, ông Phan văn Đ1, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/4/2022 đến 28/5/2024 (là 1.66%/năm), tạm tính tiền lãi là 561.000.000 đồng. Tổng cộng, bà Phạm Thị S, ông Phan Văn Đ, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C liên đới trả cho ông Đoàn Văn T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.861.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Vào ngày 21/01/2022 tại phòng C3, tỉnh Tiền Giang, hộ bà S gồm có ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C lập hợp đồng ủy quyền giao toàn bộ thửa đất 718, tờ bản đồ số 49, diện tích 934,9m^2 (đất ở 300m^2), giấy chứng nhận số vào sổ: CS10277 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/01/2022 cấp cho hộ ông Phan Văn Đ cho bà Phạm Thị S toàn quyền định đoạt. Đến ngày 09/4/2024 bà Phạm Thị S vay của ông Đoàn Văn T số tiền là 1.300.000.000 đồng có lập Hợp đồng vay tiền không có biện pháp đảm bảo ngày 09/4/2022 được lập tại phòng C2, mục đích vay: Kinh doanh, lãi suất thỏa thuận: 3%/tháng, trả lãi hàng tháng; Thời hạn vay: 02 năm, kể từ ngày ký giấy vay tiền. Đồng thời ngày 09/4/2022 để đảm bảo khoản vay, bà S đã lập hợp đồng ủy quyền cho ông T toàn quyền định đoạt thửa đất 718, tờ bản đồ số 49, diện tích 934,9m^2 (đất ở 300m^2), giấy chứng nhận số vào sổ: CS10277 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 17/01/2022 cấp cho hộ ông Phan Văn Đ và giao bản chính giấy chứng nhận QSDĐ của thửa đất 718 cho ông Đoàn Văn T quản lý.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2024, bà Phạm Thị S đã thừa nhận ngày 09/4/2022 bà có vay của ông T số tiền là 1.300.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có làm hợp đồng vay do bà S ký tên và hợp đồng vay có ghi mục đích vay là kinh doanh, đây là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đến thời hạn trả lãi thì vợ chồng bà S, ông Đ, anh N và chị C không thực hiện đúng như đã cam kết, không trả cho ông T được khoản tiền vốn, lãi nào cho đến nay. Do đó nguyên đơn ông Đoàn Văn T khởi kiện yêu cầu phía bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị

S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C liên đới trả cho ông Đoàn Văn T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.861.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Bị đơn bà Phạm Thị S trình bày tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2024 bà S có trả lãi vào ngày 09/4/2022 là 39.000.000 và mượn của bà Phạm Thị S1 (vợ ông T) 60.000.000 đồng nhưng bà S chỉ lấy 21.000.000 đồng còn lại 39.000.000 đồng bà đóng lãi nên ghi giấy mượn tiền là 60.000.000 đồng, đồng thời bà S có chuyển khoản 02 lần cho con ông T là anh Đoàn Công T1 số tiền 80.000.000 (sao kê tài khoản bản photo), tổng cộng đóng lãi là 158.000.000 đồng. Lời trình bày này không được bà Phạm Thị S1 thừa nhận và bà S không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đóng lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không có đơn phản tố, không đóng tạm ứng án phí nên không được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Nếu bà S yêu cầu đòi lại số tiền lãi 158.000.000 đồng thì bà S có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Bị đơn ông Phan Văn Đ, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên hòa giải. Ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C vắng mặt tại các phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về phương thức thanh toán: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ Chi t một lần số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.861.000.000 đồng. Bà Phạm Thị S đồng ý trả cho ông Đoàn Văn T số tiền 1.861.000.000 đồng nhưng xin trả trong thời hạn 03 tháng. Xét, việc xin trả trong thời hạn 03 tháng của bị đơn bà Phạm Thị S không được đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm thep quy định pháp luật. H lại cho ông Đoàn Văn T số tiền đã đóng tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn T.

1. Buộc ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C liên đới trả cho ông Đoàn Văn T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.861.000.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C liên đới phải nộp 67.830.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Đoàn Văn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu 0013133 ngày 04/01/2024 và 31.125.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu 0029000 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Về quyền kháng cáo: Anh Trần Quang V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn Đ, bà Phạm Thị S, anh Phan Hữu N và chị Trương Thị Mỹ C, ông Đoàn Văn T và bà Phạm Thị S1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;**Nguyễn Quốc An**
- Lưu hồ sơ, án văn.